

Số/No. **41**./2024/WSB

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính  
riêng năm 2023 đã kiểm toán)

(Information disclosure of audited  
Separate Financial Statements in 2023)

Cần Thơ, ngày **13** tháng 03 năm 2024

Can Tho, March **13**., 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

To: *Hanoi Stock Exchange (HNX)*  
*State Securities Commission of Vietnam (SSC);*

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) riêng đã kiểm toán năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

*Complying with the provisions of Clauses 3 and 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16<sup>th</sup>, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Western - Saigon Beer Joint Stock Company would like to disclose the audited separate financial statements in 2023 with Hanoi Stock Exchange as follows:*

**1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

*Name of Organization: Western – Saigon Beer Joint Stock Company*

– Mã chứng khoán/ Stock code: WSB

– Địa chỉ: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam

*Address: Tra Noc Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City, Vietnam*

– Điện thoại/Tel: 02923 843 333

Fax: 02923 843 222

– Email: sabecomientay@mientay.sabeco.com.vn

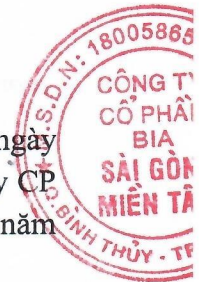
**2. Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:**

– **BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023/ Audited separate financial statements in 2023**

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

*Separate Financial Statements (Listed organizations has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);*

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);





*Consolidated Financial Statements (Listed organizations has subsidiaries)*

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

*General Financial Statements (Listed organizations has an accounting unit directly under its own accounting system);*

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/ *Cases in which the cause must be explained:*

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

*The auditing organization expresses an opinion that is not a fully accepted opinion for financial statements (for audited financial statements in 2023)*

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

*Profit after tax in the reporting period has a difference before and after the audit of 5% or more, converted from loss to profit or vice versa (for audited financial statements in 2023)*

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

*The profit after corporate income tax in the business performance statement of the reporting period change by 10% or more compared to the same period of the previous year*

Có/Yes  Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

Có/Yes  Không/No

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2023 so với cùng kỳ: Lợi nhuận sau thuế năm 2023 cao hơn so với năm 2022 do doanh thu bán hàng và doanh thu tài chính tăng

*Explaining the difference in profit after tax in 2023 compared to 2022: Profit after tax in 2023 higher than compared to 2022 due to increased revenue from sales of goods and Financial income.*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

*The profit after tax in the reporting period suffered a loss, converted from profit in the same period last year to a loss in this period or vice versa:*

Có/Yes  Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

Có/Yes  Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/03/2024 tại đường dẫn: <http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html>.

This information was published on the company's website on March 14, 2024 as in the link: <http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html>.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023/  
Audited separate financial statements in 2023

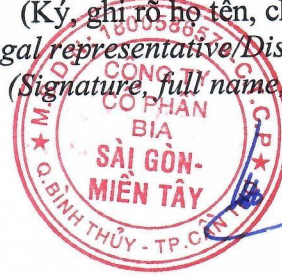
**Đại diện tổ chức/Representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Legal representative/Disclosure Authorization

(Signature, full name, job position, seal)



**Lê Đăng Khoa**





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

5703000144  
1800586579

ngày 13 tháng 4 năm 2005  
ngày 27 tháng 11 năm 2023

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 27 tháng 11 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Tan Teck Chuan Lester	Chủ tịch (từ ngày 6 tháng 10 năm 2023)
Ông Neo Gim Siong Bennett	Chủ tịch (đến ngày 6 tháng 10 năm 2023)
Bà Teoh Jie Ee	Thành viên (từ ngày 6 tháng 10 năm 2023)
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên
Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên (đến ngày 6 tháng 10 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Đoàn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 6 tháng 10 năm 2023)
Bà Trần Thị Loan Anh	Thành viên (từ ngày 6 tháng 10 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Đăng Khoa	Giám đốc
Ông Phạm Minh Quân	Phó Giám đốc (đến ngày 29 tháng 2 năm 2024)
Ông Võ Văn Vân	Phó Giám đốc (đến ngày 29 tháng 2 năm 2024)

**Người đại diện theo  
pháp luật**

Ông Tan Teck Chuan Lester	(từ ngày 27 tháng 11 năm 2023)
Ông Neo Gim Siong Bennett	(đến ngày 27 tháng 11 năm 2023)
Ông Lê Đăng Khoa	

**Trụ sở đăng ký**

Khu Công nghiệp Trà Nóc  
Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy  
Thành phố Cần Thơ  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thành phố Cần Thơ, ngày 5 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00256-24-1



Triệu Tích Quyền  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4629-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2024

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>320.770.886.343</b>	<b>273.642.544.577</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>37.968.259</b>	<b>4.816.890.535</b>
Tiền	111		37.968.259	71.890.535
Các khoản tương đương tiền	112		-	4.745.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>237.644.000.000</b>	<b>174.149.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	237.644.000.000	174.149.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>53.641.310.464</b>	<b>67.850.828.447</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	12.996.666.414	3.872.914.820
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		630.837.140	1.610.538.586
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	40.013.806.910	62.367.375.041
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>28.566.774.127</b>	<b>26.309.552.222</b>
Hàng tồn kho	141		29.297.627.163	27.274.636.814
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(730.853.036)	(965.084.592)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>880.833.493</b>	<b>516.273.373</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		880.833.493	516.273.373

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>420.459.405.968</b>	<b>417.784.131.062</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>141.370.773.869</b>	<b>176.205.598.892</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	141.370.773.869	176.205.598.892
Nguyên giá	222		527.350.814.062	525.851.989.118
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(385.980.040.193)	(349.646.390.226)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>11</b>	<b>2.273.377.940</b>	<b>2.433.851.672</b>
Nguyên giá	231		4.011.843.370	4.011.843.370
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.738.465.430)	(1.577.991.698)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>61.931.012</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	-	61.931.012
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>260.200.715.400</b>	<b>223.080.715.400</b>
Đầu tư vào công ty con	251	6(b)	200.000.000.000	200.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	6(b)	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	13.980.715.400	13.980.715.400
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(c)	39.220.000.000	2.100.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.614.538.759</b>	<b>16.002.034.086</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	14.740.383.226	14.140.881.884
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.874.155.533	1.861.152.202
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>741.230.292.311</b>	<b>691.426.675.639</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>49.247.403.987</b>	<b>47.082.472.267</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>45.625.360.342</b>	<b>43.460.428.622</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	6.832.299.385	4.196.898.093
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	15.825.144
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	18.145.509.399	16.419.465.040
Phải trả người lao động	314		2.869.927.453	4.507.898.546
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.540.064.357	4.188.349.926
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	7.975.450.262	8.119.583.464
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	6.262.109.486	6.012.408.409
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.622.043.645</b>	<b>3.622.043.645</b>
Phải trả dài hạn khác	337		49.500.000	49.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	3.572.543.645	3.572.543.645
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>691.982.888.324</b>	<b>644.344.203.372</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>691.982.888.324</b>	<b>644.344.203.372</b>
Vốn cổ phần	411	20	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		177.711.446.954	177.711.446.954
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		369.271.441.370	321.632.756.418
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		305.739.932.803	283.368.844.586
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	421b		63.531.508.567	38.263.911.832
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>741.230.292.311</b>	<b>691.426.675.639</b>

Ngày 5 tháng 3 năm 2024



Dương Thị Thúy Hồng  
 Người lập



Trương Thị Mỹ Hồng  
 Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa  
 Giám đốc


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 02 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	203.194.884.698	169.681.425.487
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	179.571.001.368	155.458.798.515
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>23.623.883.330</b>	<b>14.222.626.972</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	75.222.071.228	70.238.377.079
Chi phí tài chính	22		-	19.319.178
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	11.998.696.026	12.238.394.484
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}</b>	<b>30</b>		<b>86.847.258.532</b>	<b>72.203.290.389</b>
Thu nhập khác	31		585.797.206	654.674.719
Chi phí khác	32		5.463.415	18.727.778
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>580.333.791</b>	<b>635.946.941</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>87.427.592.323</b>	<b>72.839.237.330</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	5.935.661.234	2.403.840.880
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	(13.003.331)	(163.813.944)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>81.504.934.420</b>	<b>70.599.210.394</b>

Ngày 5 tháng 3 năm 2024

  
 Dương Thị Thúy Hồng  
 Người lập

  
 Trương Thị Mỹ Hồng  
 Kế toán trưởng



  
 Lê Đăng Khoa  
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>87.427.592.323</b>	<b>72.839.237.330</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	36.494.123.699	38.036.230.586
Các khoản dự phòng	03	(234.231.556)	179.038.610
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(16.328.571.500)	(9.511.193.361)
Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được phân phối	05	(58.893.385.450)	(60.727.183.718)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	-	(187.872.727)
Chi phí lãi vay	06	-	19.319.178
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>48.465.527.516</b>	<b>40.647.575.898</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(8.338.504.005)	(2.925.113.775)
Biến động hàng tồn kho	10	(2.022.990.349)	(1.028.519.091)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	2.807.952.522	(11.766.323.543)
Biến động chi phí trả trước	12	(901.130.450)	515.699.021
		<b>40.010.855.234</b>	<b>25.443.318.510</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(19.319.178)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.493.815.938)	(3.302.176.790)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.391.462.021)	(2.535.816.719)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>30.125.577.275</b>	<b>19.586.005.823</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(2.734.719.489)	(4.000.649.286)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	187.872.727
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(276.674.000.000)	(168.349.000.000)
Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn	24	176.059.000.000	164.800.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	97.769.978.938	33.972.856.477
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(5.579.740.551)</b>	<b>26.611.079.918</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*




**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		-	7.200.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(7.200.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		(29.324.759.000)	(50.167.626.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(29.324.759.000)</b>	<b>(50.167.626.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(4.778.922.276)</b>	<b>(3.970.540.259)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>4.816.890.535</b>	<b>8.787.430.794</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>37.968.259</b>	<b>4.816.890.535</b>

Ngày 5 tháng 3 năm 2024

  
 Dương Thị Thúy Hồng  
 Người lập

  
 Trương Thị Mỹ Hồng  
 Kế toán trưởng



  
 Lê Đăng Khoa  
 Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là WSB.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, rượu, nước giải khát; và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2023: 1 công ty con và 1 công ty liên kết), chi tiết được trình bày tại Thuyết minh 6(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 104 nhân viên (1/1/2023: 104 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng lẻ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(b) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ thiết bị quản lý	2 – 10 năm

**(f) Bất động sản đầu tư**

***Bất động sản đầu tư cho thuê***

***Nguyên giá***

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

***Khấu hao***

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 25 năm
--------------------------	------------



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 35 năm.

**(ii) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

**(o) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(q) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

**4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Trong năm, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	3.047.000	36.699.200
Tiền gửi ngân hàng	34.921.259	35.191.335
Các khoản tương đương tiền	-	4.745.000.000
	<hr/>	<hr/>
	37.968.259	4.816.890.535
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,9% đến 9,2% một năm (1/1/2023: 5,2% đến 9,2% một năm).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2023					1/1/2023				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào:</b>										
Công ty con										
• Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Không áp dụng	100%	200.000.000.000	-	(*)	Không áp dụng	100%	200.000.000.000	-	(*)
Công ty liên kết										
• Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	2,402,400	20,00%	7.000.000.000	-	19.416.196.800	2.402.400	20,00%	7.000.000.000	-	23.975.952.000
Đơn vị khác										
• Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	1,891,807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)
			<u>220.980.715.400</u>	-				<u>220.980.715.400</u>	-	

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Không có biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và được hưởng lãi suất năm là 4,9% một năm (1/1/2023: 9,2% một năm).

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	12.933.508.940	3.480.010.820
Các khách hàng khác	63.157.474	392.904.000
	12.996.666.414	3.872.914.820

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Công ty mẹ</i> Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	12.933.508.940	3.480.010.820
<i>Các bên liên quan</i> Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	23.835.768	392.904.000

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về lợi nhuận được phân phối và cổ tức được chia	32.074.648.889	58.176.620.358
Phải thu lãi tiền gửi	7.722.919.355	4.168.969.874
Phải thu khác	216.238.666	21.784.809
	40.013.806.910	62.367.375.041



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	150.703.000	-
Nguyên vật liệu	11.833.696.755	-	9.108.038.398	-
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	3.275.320.541	(730.853.036)	3.142.303.532	(965.084.592)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.227.419.091	-	10.829.475.149	-
Thành phẩm	2.961.190.776	-	4.044.116.735	-
	<b>29.297.627.163</b>	<b>(730.853.036)</b>	<b>27.274.636.814</b>	<b>(965.084.592)</b>

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 731 triệu VND (1/1/2023: 965 triệu VND) phụ tùng thay thế chậm luân chuyển.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Số dư đầu năm	965.084.592	786.045.982
Dự phòng trích lập trong năm	320.874.446	657.165.722
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(555.106.002)	(478.127.112)
Số dư cuối năm	<b>730.853.036</b>	<b>965.084.592</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	68.669.251.897	438.569.940.018	8.464.249.179	10.148.548.024	525.851.989.118
Tăng trong năm	-	1.431.552.217	-	67.272.727	1.498.824.944
Số dư cuối năm	68.669.251.897	440.001.492.235	8.464.249.179	10.215.820.751	527.350.814.062
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	38.939.039.344	295.084.304.815	6.647.088.099	8.975.957.968	349.646.390.226
Khấu hao trong năm	2.841.191.047	32.152.847.227	620.032.696	719.578.997	36.333.649.967
Số dư cuối năm	41.780.230.391	327.237.152.042	7.267.120.795	9.695.536.965	385.980.040.193
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	29.730.212.553	143.485.635.203	1.817.161.080	1.172.590.056	176.205.598.892
Số dư cuối năm	26.889.021.506	112.764.340.193	1.197.128.384	520.283.786	141.370.773.869

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá là 81.912 triệu VND (1/1/2023: 77.830 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	4.011.843.370
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	1.577.991.698
Khấu hao trong năm	160.473.732
Số dư cuối năm	1.738.465.430
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	2.433.851.672
Số dư cuối năm	2.273.377.940

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư năm giữ để cho thuê chưa được xác định do Công ty chưa thực hiện định giá.

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Số dư đầu năm	61.931.012	8.741.261.818
Tăng trong năm	1.000.000	3.766.614.649
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(62.931.012)	(12.445.945.455)
Số dư cuối năm	-	61.931.012



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tiền thuê đất trả trước VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ, khác VND	Chi phí bảo trì VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	10.691.887.351	1.064.947.012	2.384.047.521	-	14.140.881.884
Tăng trong năm	-	-	1.225.811.450	2.280.037.663	3.505.849.113
Phân bổ trong năm	(465.474.648)	(671.850.000)	(1.036.079.509)	(732.943.614)	(2.906.347.771)
Số dư cuối năm	10.226.412.703	393.097.012	2.573.779.462	1.547.094.049	14.740.383.226

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.704.620.365	-
Công ty TNHH Chế Biến Lương Thực Trường Thắng	598.560.000	519.694.500
Công ty Cổ phần Thương mại Cửu Long	402.582.189	390.157.937
Các nhà cung cấp khác	2.126.536.831	3.287.045.656
	6.832.299.385	4.196.898.093

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.704.620.365	-
<b>Các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	93.330.540	3.081.273

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>	<b>Số phát sinh</b> <b>trong năm</b> <b>VND</b>	<b>Số đã nộp</b> <b>VND</b>	<b>Số còn trừ</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>
Thuế tiêu thụ đặc biệt	13.472.499.000	168.592.307.636	(167.455.070.526)	-	14.609.736.110
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.047.809.665	5.935.661.234	(5.493.815.938)	-	1.489.654.961
Thuế giá trị gia tăng	1.886.282.875	36.902.935.753	(25.805.451.573)	(10.983.837.592)	1.999.929.463
Thuế thu nhập cá nhân	12.873.500	1.862.339.213	(1.829.023.848)	-	46.188.865
Thuế khác	-	7.953.291	(7.953.291)	-	-
	<b>16.419.465.040</b>	<b>213.301.197.127</b>	<b>(200.591.315.176)</b>	<b>(10.983.837.592)</b>	<b>18.145.509.399</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	4.573.927.808	4.898.686.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	702.173.600	707.173.600
Phải trả khác	2.699.348.854	2.513.723.056
	7.975.450.262	8.119.583.464

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	6.012.408.409	9.383.610.945
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh 19)	3.192.912.125	2.943.211.048
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	1.448.250.973	(3.839.567.192)
Sử dụng quỹ trong năm	(4.391.462.021)	(2.474.846.392)
	6.262.109.486	6.012.408.409

**18. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	3.572.543.645	3.633.513.972
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(60.970.327)
	3.572.543.645	3.572.543.645



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	145.000.000.000	177.711.446.954	301.223.850.036	623.935.296.990
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	70.599.210.394	70.599.210.394
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(50.750.000.000)	(50.750.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(2.943.211.048)	(2.943.211.048)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	3.839.567.192	3.839.567.192
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(392.087.514)	(392.087.514)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	55.427.358	55.427.358
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	145.000.000.000	177.711.446.954	321.632.756.418	644.344.203.372
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	81.504.934.420	81.504.934.420
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(29.000.000.000)	(29.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(3.192.912.125)	(3.192.912.125)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(1.448.250.973)	(1.448.250.973)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(280.513.728)	(280.513.728)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	55.427.358	55.427.358
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	145.000.000.000	177.711.446.954	369.271.441.370	691.982.888.324



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>31/12/2023 và 1/1/2023</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## **21. Cổ tức**

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 18 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức cho các cổ đông là 43.500 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022, trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2022 (2022: 43.500 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021, trong đó 21.750 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2022).

Tại cuộc họp ngày 22 tháng 11 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định chia tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 14.500 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 (2022: tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 29.000 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu), từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	774.644.728	750.809.505
Từ hai đến năm năm	1.455.368.434	1.941.471.252
Sau năm năm	3.831.125.398	3.933.170.737
	6.061.138.560	6.625.451.494

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày bảng cân đối kế toán, Công ty có các cam kết vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	636.666.667	3.029.063.006

**(c) Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba**

	<b>Đơn vị</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
Chai	Chai	1.567.261	1.414.621



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị thành phẩm đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	197.311.574.534	164.128.815.896
▪ Doanh thu cho thuê	360.387.300	228.740.364
▪ Doanh thu khác	5.522.922.864	5.323.869.227
	<hr/>	<hr/>
	203.194.884.698	169.681.425.487
	<hr/>	<hr/>

**24. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	179.195.852.623	154.067.846.585
▪ Dịch vụ đã cung cấp	123.669.876	165.686.496
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(234.231.556)	179.038.610
▪ Giá vốn khác	485.710.425	1.046.226.824
	<hr/>	<hr/>
	179.571.001.368	155.458.798.515
	<hr/>	<hr/>

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	58.893.385.450	60.727.183.718
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	16.328.571.500	9.511.193.361
Doanh thu tài chính khác	114.278	-
	<hr/>	<hr/>
	75.222.071.228	70.238.377.079
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	7.940.329.400	8.208.075.690
Chi phí khấu hao	366.302.916	366.302.916
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.112.658.917	1.055.809.326
Chi phí quản lý khác	2.579.404.793	2.608.206.552
	11.998.696.026	12.238.394.484

**27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	107.385.709.735	86.716.546.925
Chi phí nhân công và nhân viên	25.826.732.011	24.593.074.354
Chi phí khấu hao và phân bổ	36.494.123.699	38.036.230.586
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.169.666.736	10.111.146.880
Chi phí khác	9.693.465.213	8.240.194.254

**28. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	5.935.661.234	1.938.956.183
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	464.884.697
	5.935.661.234	2.403.840.880
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(13.003.331)	(163.813.944)
	5.922.657.903	2.240.026.936

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	87.427.592.323	72.839.237.330
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	17.485.518.465	14.567.847.466
Chi phí không được khấu trừ thuế	215.816.529	163.501.891
Thu nhập không bị tính thuế	(11.778.677.090)	(12.145.436.744)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	13.003.330	(646.956.430)
Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(13.003.331)	(163.813.944)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	464.884.697
	5.922.657.903	2.240.026.936

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	365.903.882.170	308.687.267.970
Bán nguyên vật liệu	-	864.840.000
Mua nguyên vật liệu	82.830.095.482	62.141.015.757
Cổ tức	20.459.500.000	25.882.500.000
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng</b>		
Lợi nhuận phân phối từ công ty con	54.599.178.450	57.889.473.218
Lợi nhuận phân phối từ công ty con đã thu	81.647.053.419	23.700.000.000
Mua nguyên vật liệu	2.807.788	24.300.000
Bán nguyên vật liệu	-	711.803.960



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Công ty liên kết</b>		
Cổ tức	2.402.400.000	-
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô</b>		
Cổ tức	1.891.807.000	2.837.710.500
Bán nguyên vật liệu	33.408.000	40.192.500
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co</b>		
Mua dịch vụ	194.245.000	157.700.000
Mua vật tư phụ tùng	89.620.000	93.400.000
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu</b>		
Mua hàng hóa	1.036.140.630	888.347.612
<b>Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương</b>		
Mua hàng hóa	31.118.182	88.715.500
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Bán bao bì kết chai	284.375.000	363.800.000
Dịch vụ cho thuê kho	21.668.880	-
Thu phí nhân công	5.581.5000	-
Phí sử dụng bao bì	85.811.052	2.814.042
<b>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</b>		
Mua hàng hóa	56.368.000	75.876.000
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre</b>		
Mua nguyên vật liệu	-	38.880.000
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long</b>		
Mua nguyên vật liệu	25.588.400	-
<b>Công ty TNHH Thủy tinh Malaya - Việt Nam</b>		
Bán phế liệu	495.642.290	-

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Tan Teck Chuan Lester	32.500.000	-
Ông Neo Gim Siong Bennett	97.500.000	130.000.000
Ông Trần Nguyên Trung	91.000.000	91.000.000
Ông Phạm Đình Hùng	91.000.000	91.000.000
Ông Nguyễn Văn Đồi	68.250.000	91.000.000
Bà Toeh Jia Ee	22.750.000	-
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	91.000.000	91.000.000
<b>Ban Giám đốc</b>		
Lương thưởng	3.458.569.197	3.294.375.127
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Lương, thù lao	692.902.078	630.126.348

**30. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	-	1.234.894.545

**31. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 5 tháng 3 năm 2024

Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập

Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc